

Bản án số: **25/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 09/03/2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **NGUYỄN VĂN HIỀN**

Bà **NGUYỄN THỊ KIM HẠNH**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **CHIÊM HẢI ÂN** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị N T Đ, sinh năm 1981. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ H, xã T B, huyện C , tỉnh Tiền Giang.

**Bị đơn:** Anh L A D, sinh năm 1977. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 12/9/2022 nguyên đơn chị N T Đ trình bày:** Do mai mối, chị và anh L A D tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị và anh Dững ly thân từ đó đến nay.

**- Về con chung, tài sản chung, nợ chung:** Không có.

Nay chị N T Đ xin ly hôn L A D

**Theo đơn xin vắng mặt ngày 06/3/2023, bị đơn anh L A D trình bày:** anh và chị N T Đ cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, sống được thời

gian ngắn đến tháng 10 năm 2006 thì chị Đẹt về nhà cha mẹ ruột sống, anh chị đã ly thân từ đó.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay anh L A D thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị N T Đ

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Xét thấy, bị đơn anh L A D cư trú: xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị Đẹt và anh Dũng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị N T Đ và anh L A D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đẹt trình bày, Do mai mối, chị và anh L A D tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị và anh Dũng ly thân từ đó đến nay, chị Đẹt xin ly hôn với anh Dũng, anh Dũng cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Đẹt. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đẹt và anh Dũng thật sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn vì thời gian ly thân đã quá lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị Đẹt được ly hôn với anh Dũng là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Không có.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có.

[5] **Về án phí:** Chị N T Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị N T Đ được ly hôn với anh L A D.

2. Về án phí: Chị N T Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016661 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kim Ngọc**

## TỈNH TIỀN GIANG

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Cai Lậy, ngày 09 tháng 3 năm 2023*

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc.**
- Các Hội thẩm:

**1- Ông Nguyễn Văn Hiền**

**2- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh**

Vào hồi giờ ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị N T Đ, sinh năm 1981. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ H, xã T B, huyện C , tỉnh Tiền Giang.

***Bi đơn:*** Anh L A D, sinh năm 1977. (Xin vắg mắt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi xem xét các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

**I. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Kết quả biểu quyết: 3/3. “Xin ly hôn”.

## II. Về điều luật áp dụng: Kết quả biểu quyết: 3/3.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**III. Về nội dung:** Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị N T Đ được ly hôn với anh L A D.

2. Về án phí: Chị N T Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016661 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kim Ngọc**

